



DOI:10.22144/ctu.jvn.2022.198

KINH TẾ TUẦN HOÀN - CHIẾN LƯỢC VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Trần Văn Hiếu*

Khoa Khoa học Chính trị, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Trần Văn Hiếu (email: tvhieus@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 10/08/2022

Ngày nhận bài sửa: 19/09/2022

Ngày duyệt đăng: 17/10/2022

Title:

Circular economy – Strategies and solutions for sustainable development of the Mekong Delta

Từ khóa:

Chiến lược, Đồng bằng sông Cửu Long, Giải pháp, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững

Keywords:

Circular economy, Mekong Delta, Solutions, Strategies, Sustainable development

ABSTRACT

Circular economy development is a common trend of the world, our country and the Mekong Delta. The circular economy is the key to solving the problem of how to use the least number of natural resources, least raw materials, but produce the most products, and at the same time environmentally friendly products. In this article, the study of some theoretical issues of the circular economy, world experience was a basis for analyzing the current situation of the circular economy in the Mekong Delta in recent years. The achievements and limitations were raised, then proposing possible solutions which were offered to further develop the circular economy in the Mekong Delta in the coming time included raising awareness of people and businesses, improving institutions, promoting research and application of science and technology, taking digital transformation and applying the achievements of the Industrial Revolution 4.0 as a driving force for development, and having preferential policies on tax and credit, land, etc.

TÓM TẮT

Phát triển kinh tế tuần hoàn là xu hướng chung của thế giới, của nước ta và Đồng bằng sông Cửu Long. Kinh tế tuần hoàn là chìa khóa để giải bài toán làm thế nào sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên nhất, ít nguyên vật liệu nhất nhưng lại sản xuất ra nhiều sản phẩm nhất, đồng thời lại là các sản phẩm thân thiện môi trường. Trong bài viết này, một số vấn đề lý luận của kinh tế tuần hoàn, kinh nghiệm thế giới được nghiên cứu làm cơ sở phân tích thực trạng kinh tế tuần hoàn ở Đồng bằng sông Cửu Long thời gian qua. Những thành tựu, hạn chế được nêu ra, từ đó đề xuất những giải pháp mang tính khả thi để phát triển mạnh hơn nữa kinh tế tuần hoàn ở Đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian tới như: nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp, hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ, lấy chuyển đổi số và ứng dụng thành tựu của Cách mạng công nghiệp 4.0 làm động lực để phát triển, có chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai,...

1. MỞ ĐẦU

Phát triển kinh tế tuần hoàn trở thành xu hướng của các quốc gia, nhất là khi nguồn tài nguyên trên thế giới ngày càng cạn kiệt, giúp giải quyết bài toán

giữa lợi ích kinh tế và môi trường. Kinh tế tuần hoàn cũng chính là chìa khóa để giải bài toán làm thế nào sử dụng ít tài nguyên thiên nhiên nhất, ít nguyên vật liệu nhất nhưng lại sản xuất ra nhiều sản phẩm nhất, đồng thời lại là các sản phẩm thân thiện môi trường.

Đây là xu hướng phát triển chung của thế giới ngày nay. Các hiệp định, thỏa thuận toàn cầu về môi trường, biến đổi khí hậu và phát triển bền vững, các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đề ra nhiều quy định về tiêu chuẩn phát thải chất thải, khí thải. Việt Nam đang nỗ lực phát triển kinh tế theo hướng bền vững, giảm thiểu những tác động xấu đến môi trường và nền kinh tế tuần hoàn là mô hình được quan tâm, định hướng phát triển. Đại hội XIII của Đảng xác định Kinh tế tuần hoàn là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Đối với Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) vùng sản xuất nông sản hàng hóa lớn nhất cả nước đồng thời cũng tiềm ẩn nguy cơ gây ra hậu quả xấu về ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững, kinh tế tuần hoàn phải được xem là chiến lược phát triển trước mắt và lâu dài của khu vực. Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02 tháng 4 năm 2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định: “Từng bước đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng chủ yếu dựa vào sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái là trọng tâm...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2022)

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết tổng quan dưới dạng lý luận kinh tế, sử dụng là phương pháp trừu tượng hóa khoa học, phương pháp đặc thù của kinh tế chính trị để nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu tại bàn (table drawing). Về cơ sở lý luận chung, các văn bản của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn được nghiên cứu về tái cơ cấu và biến đổi khí hậu ở ĐBSCL, về phát triển kinh tế xanh, kinh tế bền vững. Ngoài ra, số liệu sơ cấp được thu thập từ các bài viết của các nhà khoa học, các nhà báo có liên quan đến đề tài, kết hợp phương pháp thống kê, phân tích, tổng hợp.

3. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

3.1. Một số vấn đề lý luận chung về kinh tế tuần hoàn

3.1.1. Khái niệm kinh tế tuần hoàn

Khái niệm Kinh tế tuần hoàn (KTTH) được sử dụng chính thức đầu tiên bởi Pearce and Turner (1990). Nó được dùng để chỉ mô hình kinh tế mới dựa trên nguyên lý cơ bản mọi thứ đều là đầu vào

đối với thứ khác, hoàn toàn không giống với cách nhìn của nền kinh tế tuyến tính truyền thống.

Kinh tế tuần hoàn (circular economy) là một hệ thống kinh tế dựa vào các mô hình kinh doanh thay thế khái niệm “kết thúc vòng đời” bằng việc giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế và thu hồi các nguyên liệu trong các quá trình sản xuất, phân phối và tiêu dùng ở các cấp độ vi mô (sản xuất, các doanh nghiệp, người tiêu dùng), cấp độ trung gian (các khu công nghiệp sinh thái), cấp độ vĩ mô (thành phố, vùng, quốc gia và rộng hơn nữa), với mục tiêu đạt được phát triển bền vững, bảo đảm chất lượng môi trường tốt, sự thịnh vượng về kinh tế và công bằng xã hội, đáp ứng lợi ích hiện tại và tương lai. Kinh tế tuyến tính chỉ quan tâm đến việc khai thác tài nguyên, sản xuất, tiêu dùng và không quan tâm nhiều đến việc thải bỏ ra môi trường, nên đã khai thác tối đa nguồn tài nguyên thiên nhiên dẫn đến việc tạo ra một lượng phế thải khổng lồ, trong khi đó KTTH chú trọng việc quản lý và tái tạo tài nguyên theo một vòng khép kín, tránh tạo ra chất thải. Việc tận dụng tài nguyên được thực hiện bằng nhiều hình thức, từ thiết kế lại, giảm thiểu, sửa chữa, tái sử dụng, tái chế, và thay vì sở hữu vật chất thì hướng đến chia sẻ hoặc cho thuê (Chinh, 2020).

Cách tiếp cận này là tương phản với mô hình kinh tế tuyến tính (linear economy) đang được phổ biến rộng rãi. Trong mô hình kinh tế tuyến tính, các tài nguyên chỉ di chuyển theo một chiều, từ khai thác tài nguyên, sản xuất, đến vất bỏ sau tiêu thụ, dẫn đến việc lãng phí tài nguyên và tạo ra một lượng phế thải khổng lồ (Sĩ, 2021).

KTTH không chỉ là tái sử dụng chất thải, coi chất thải là tài nguyên mà còn là sự kết nối giữa các hoạt động kinh tế một cách có tính toán từ trước, tạo thành các vòng tuần hoàn trong nền kinh tế. KTTH có thể giữ cho dòng vật chất được sử dụng lâu nhất có thể, khôi phục và tái tạo các sản phẩm, vật liệu ở cuối mỗi vòng sản xuất hay tiêu dùng (Đáp, 2021).

Những người đề xuất khái niệm KTTH cho rằng xây dựng thế giới bền vững không có nghĩa là phải giảm chất lượng cuộc sống của người tiêu dùng và sự phát triển bền vững có thể đạt được mà không làm phát sinh thua lỗ hay chi phí phụ cho các nhà sản xuất, với lập luận rằng các mô hình kinh doanh tuần hoàn có thể mang lại lợi nhuận như các mô hình tuyến tính, đồng thời vẫn cho phép người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Phát triển kinh tế tuần hoàn đã và đang trở thành một trong những xu thế chủ đạo của các quốc gia. Năm 2018, Diễn đàn Kinh tế thế giới, Viện Tài

nguyên Thế giới, Quý Ellen MacArthur, Chương trình Môi trường Liên hợp quốc và hơn 40 đối tác đã khởi xướng Diễn đàn thúc đẩy kinh tế tuần hoàn với các sáng kiến đầy mạnh mẽ hình kinh tế này, bao gồm: tăng cường các mô hình tài chính hỗn hợp thúc đẩy các dự án KTTH ở các nước đang phát triển và các nước đang chuyển đổi; tạo các khung chính sách để tháo gỡ rào cản nhằm đẩy mạnh kinh tế tuần hoàn và thúc đẩy đối tác công - tư cho KTTH. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 đã và đang tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội toàn cầu, càng làm sâu sắc thêm yêu cầu về thay đổi mô hình tăng trưởng hướng đến phát triển bền vững. Trong bối cảnh đó, nhiều quốc gia và khu vực trên thế giới, như Liên minh châu Âu (đi đầu là Hà Lan, Đức, Phần Lan và Đan Mạch), Canada, Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore đang chuyển đổi mạnh mẽ sang KTTH. Bài học thành công của các quốc gia này là kinh nghiệm để Việt Nam phát triển mô hình KTTH, cũng như thúc đẩy hợp tác nhằm tiếp nhận chuyển giao các công nghệ về thiết kế, chế tạo, chuyển đổi số.

3.1.2. Lợi ích của kinh tế tuần hoàn

Kinh tế tuần hoàn có những ưu điểm và lợi ích như sau:

– **Đối với quốc gia:** Phát triển KTTH là thể hiện trách nhiệm của quốc gia trong giải quyết những thách thức toàn cầu do ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, đồng thời nâng cao năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế. KTTH giúp tận dụng được nguồn nguyên vật liệu đã qua sử dụng thay vì tiêu tốn chi phí xử lý; giảm thiểu khai thác tài nguyên thiên nhiên, tận dụng tối đa giá trị tài nguyên; hạn chế tối đa chất thải, khí thải ra môi trường.

– **Đối với xã hội:** KTTH giúp giảm chi phí xã hội trong quản lý, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo ra thị trường mới, cơ hội việc làm mới, nâng cao sức khỏe người dân,...

– **Đối với doanh nghiệp:** KTTH góp phần giảm rủi ro về khủng hoảng thừa sản phẩm, khan hiếm tài nguyên; tạo động lực để đầu tư, đổi mới công nghệ, giảm chi phí sản xuất, tăng chuỗi cung ứng,...

Việc áp dụng mô hình KTTH sẽ mang lại nhiều lợi ích kinh tế. Tại châu Âu, Liên minh châu Âu (EU) đã thông qua Kế hoạch hành động KTTH vào năm 2015, bao gồm các biện pháp thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền KTTH, tăng sức cạnh tranh toàn cầu, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và tạo việc làm mới. Kế hoạch hành động của EU cho

nền KTTH là thiết lập một chương trình hành động cụ thể, với các biện pháp bao trùm toàn bộ chu trình: từ sản xuất và tiêu thụ đến quản lý chất thải và thị trường nguyên liệu thứ cấp và đề xuất lập pháp sửa đổi về chất thải. Các hành động được đề xuất sẽ góp phần “đóng vòng lặp” của vòng đời sản phẩm thông qua việc tái chế và tái sử dụng nhiều hơn, mang lại lợi ích cho cả môi trường và nền kinh tế. Theo ước tính, kinh tế tuần hoàn có thể tạo ra lợi ích khoảng 600 tỷ Euro mỗi năm cho EU, tạo ra 580.000 việc làm mới và giúp giảm phát thải khí nhà kính (Đáp, 2021).

Một số ngành được đánh giá là có cơ hội lớn hơn trong việc thúc đẩy kinh tế tuần hoàn như: lương thực và nông nghiệp, thời trang và dệt may, xây dựng và vật liệu xây dựng, hệ thống năng lượng và carbon, hóa chất, điện tử và công nghệ cao.

Thụy Điển là một trong những điểm sáng về phát triển KTTH. Thụy Điển đã phát triển triết lý KTTH của mình lên tầm cao mới với phương châm thay đổi tư duy tiêu dùng ắt dẫn đến thay đổi tư duy sản xuất. Theo đó, thành lập một nhóm chuyên gia về KTTH giúp Chính phủ điều phối và hỗ trợ doanh nghiệp, người dân; đầu tư nghiên cứu đổi mới trong lĩnh vực tài nguyên và chất thải. Chính phủ đã thay đổi nhận thức của người dân, doanh nghiệp song hành với việc xây dựng hệ thống pháp lý rõ ràng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường bằng việc đánh thuế cao các loại chất thải, đồng thời, có chính sách ưu đãi với sử dụng năng lượng tái tạo từ thủy điện và nhiên liệu sinh học,... Nền KTTH vì một tương lai không rác thải ở Thụy Điển được khởi xướng, bắt đầu bằng việc đổi mới sáng tạo ở doanh nghiệp, thúc đẩy ứng dụng công nghệ sạch, tạo ra các phương pháp tiếp cận theo hướng thân thiện với môi trường. Đến nay, 99% tổng lượng rác thải sinh hoạt tại Thụy Điển được tái chế. Các giải pháp triển khai như: quy định chặt chẽ về địa điểm tái chế rác thải; xe chở rác chạy bằng năng lượng tái chế hoặc khí sinh học; phân loại rác theo màu túi đựng rác để tiết kiệm thời gian với sự tham gia của các doanh nghiệp (nhất là trong các ngành may mặc, thực phẩm); biến rác thải thành điện năng,... (Mạnh, 2021)

Tại Hà Lan, Chính phủ đã xác định phát triển KTTH là yêu cầu thiết yếu. Theo đó, Hà Lan tiến hành phát triển chương trình hậu thuẫn cho nền KTTH nhằm mục tiêu đảm bảo cuộc sống và điều kiện làm việc lành mạnh, an toàn, ít gây hại cho môi trường. Chương trình này có sự tham gia của nhiều bộ, ngành liên quan, bao gồm tất cả các chương trình nhằm xử lý nguyên liệu thô hiệu quả hơn.

Năm 2013, Chính phủ Hà Lan đã triển khai một loạt chương trình và dự án nhằm biến nước này trở thành “trung tâm tuần hoàn” của châu Âu. Đặc biệt, chương trình “Kinh tế tuần hoàn tại Hà Lan vào năm 2050” đưa ra tầm nhìn, định hướng lộ trình và mục tiêu cụ thể. Theo đó, 5 lĩnh vực ưu tiên là: nhiên liệu sinh khối và thực phẩm, nhựa, chế tạo (tập trung vào vật liệu kim loại và các hóa chất độc hại), xây dựng (tập trung vào tái chế vật liệu xây dựng và phát triển thị trường vật liệu tái chế) và tiêu dùng.

Việc chuyển đổi sang nền KTTH không chỉ mang lại cơ hội kinh tế mà còn thúc đẩy phát triển khoa học, cắt giảm khí thải CO₂, đảm bảo sức khỏe và an toàn. Riêng với Hà Lan, mô hình kinh tế này có thể tạo ra hơn 50 nghìn việc làm, giảm 10% chất thải ra môi trường, tiết kiệm 20% nước sử dụng trong ngành công nghiệp, giảm 25% nhập khẩu các nguồn cơ bản và tạo ra 7 tỷ Euro cho nền kinh tế. Ngoài ra, Chính phủ Hà Lan cũng cam kết sẽ thực hiện cải cách pháp luật, ưu đãi thị trường trí tuệ, hỗ trợ tài chính, nâng cao tri thức nhằm thúc đẩy hợp tác quốc tế, hướng đến phát triển bền vững.

Tại châu Á, Singapore trở thành một điển hình về thúc đẩy KTTH từ rất sớm. Là đảo quốc với nguồn lực tự nhiên rất hạn chế, nên ngay từ năm 1980, nước này đã phát triển công nghệ biến rác thải thành năng lượng với việc xây dựng 4 nhà máy, xử lý 90% lượng rác thải của cả nước với công suất lên đến 1.000 tấn rác/ngày. Với 10% lượng rác thải còn lại, Singapore đã sáng tạo biến chúng thành một hòn đảo rác Semakau - “đảo rác” nhân tạo đầu tiên trên thế giới - đã ra đời. Những việc làm này của Chính phủ Singapore nhằm hướng đến một xã hội không còn rác thải, mọi thứ đều được tái chế, đúng theo một trong những nguyên tắc hàng đầu của KTTH. (Mạnh, 2021)

Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành luật về loại bỏ chất thải thực phẩm vào năm 2013, quy định cụ thể về tiêu chuẩn thu gom chất thải. Chất thải được bỏ vào các túi phân hủy sinh học hoặc bỏ trực tiếp vào các thùng kim loại có trang bị thanh đo và đầu đọc chíp nhận dạng tần số vô tuyến. Luật này cũng quy định người dân sẽ phải trả thêm tiền, nếu lượng chất thải này vượt quá khối lượng cho phép và 60% số tiền đó được Chính phủ sử dụng để chi trả chi phí cho việc thu gom và xử lý chất thải phát sinh. Hiện nay, 95% chất thải thực phẩm ở Hàn Quốc được tái chế thành phân hữu cơ, thức ăn chăn nuôi hoặc phân bón, còn lại chất lỏng sau khi ép ra từ rác thải được lên men thành khí hoặc dầu sinh học để sử dụng. Đây là chu trình khép kín từ thu gom, xử lý đến tái chế các sản phẩm theo hình thức “cộng sinh”.

Trung Quốc cũng là quốc gia điển hình về tiếp cận mô hình kinh tế tuần hoàn sau một thời gian sử dụng quá lãng phí các nguồn lực tự nhiên và gây ra nhiều hệ lụy về môi trường. Năm 2008, Trung Quốc đã thông qua dự luật liên quan đến nền kinh tế tuần hoàn. Năm 2018, Trung Quốc và EU đã ký biên bản ghi nhớ về hợp tác kinh tế tuần hoàn. Năm 2019, hợp tác liên lục địa gồm 200 doanh nghiệp của các quốc gia trên thế giới và của Trung Quốc đã cam kết nền kinh tế tuần hoàn về nhựa... Trung Quốc xây dựng 3 khâu để phát triển KTTH gồm: vòng tuần hoàn nhỏ (thực hiện ở quy mô nhà máy và khu công nghiệp); vòng tuần hoàn vừa (mở rộng quy mô hơn) và vòng tuần hoàn lớn (thực hiện trên toàn bộ nền kinh tế). Nền kinh tế tuần hoàn ở Trung Quốc được xây dựng theo lộ trình cụ thể, từ việc xác định quan niệm phát triển đến mục tiêu phát triển KTTH đến thông qua hệ thống pháp luật có tính bắt buộc đối với các doanh nghiệp... (Triết, 2021).

3.2. Tính tất yếu và sự cần thiết đặt ra đối với sự phát triển KTTH ở ĐBSCL

Sau hơn 35 năm đổi mới, Việt Nam đã vươn lên thành một điểm sáng tăng trưởng trong khu vực và trên thế giới với nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Tuy nhiên, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức về cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm, suy thoái môi trường và biến đổi khí hậu. Tại Việt Nam, lượng chất thải nhựa phát sinh khoảng 1,83 triệu tấn/năm; khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng hơn 61.000 tấn/ngày, trong đó có tới 71% tổng lượng chất thải (tương đương 43.000 tấn/ngày) được xử lý bằng phương pháp chôn lấp; nhiều tài nguyên hiện đang suy giảm nghiêm trọng, tiêu biểu là than đá, Việt Nam đã phải nhập khẩu than đá từ năm 2015, dự báo tới năm 2030 có thể phải nhập khẩu tới 100 triệu tấn than mỗi năm. Theo tính toán của Ngân hàng Thế giới, ô nhiễm nước có thể gây thiệt hại cho Việt Nam tới 3,5% GDP vào năm 2035. Đặc biệt, Việt Nam nằm trong số các quốc gia dễ bị tổn thương nhất do biến đổi khí hậu. Dự báo, biến đổi khí hậu và thiên tai có thể gây thiệt hại lên tới 11% GDP của Việt Nam vào năm 2030. (Trung & Hữu, 2020).

Vì vậy, để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững và các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết thì hướng tiếp cận chuyển đổi mô hình từ “kinh tế tuyến tính” sang “kinh tế tuần hoàn” cần được xem là một ưu tiên trong giai đoạn phát triển mới của đất nước. Trong những năm qua, Đảng và nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải.

Nhiều yếu tố của KTTH đã được đề cập trong các văn bản quy phạm pháp luật, như: Chỉ thị số 36/1998/CT-TW ngày 25 tháng 6 năm 1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 15 tháng 11 năm 2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Trên cơ sở các chủ trương của Đảng, nhà nước đã ban hành luật và các chính sách có liên quan tới mô hình KTTH, như: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn năm 2018; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050. Đặc biệt, ngày 13 tháng 4 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 18/CT-TTg về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025,... Các văn bản đều đề cập những khía cạnh của mô hình KTTH, như: khai thác và sử dụng tiết kiệm tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo, sản xuất và tiêu dùng bền vững, chuỗi cung ứng xanh, tiêu dùng xanh,... Việt Nam đã cụ thể hóa quan điểm về kinh tế tuần hoàn trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, trong đó, xác định việc xây dựng lộ trình, cơ chế, chính sách, pháp luật để hình thành, vận hành mô hình KTTH (Hải, 2021).

Với tiềm năng to lớn và lợi thế của mình, ĐBSCL hội đủ những yếu tố cần thiết để trở thành một trong những vùng kinh tế trọng điểm của khu vực và cả nước. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, ĐBSCL phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do đây là vùng đất “mẫn cảm” với thay đổi của tự nhiên. Biến đổi khí hậu và nước biển dâng diễn ra nhanh hơn dự báo, gây ra nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan, ảnh hưởng đến sinh kế và đời sống của người dân. Mặt trái từ hoạt động phát triển kinh tế với cường độ cao ở nội vùng bộc lộ ngày càng gay gắt, gây nhiều hệ lụy như: ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái nghiêm trọng, sụt lún đất, suy giảm mực nước ngầm,... đã gây ra những tác động xấu đối với môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường nước. Hằng năm, các trang trại nuôi cá tra ở ĐBSCL thải ra hơn 10 tỷ mét khối nước thải có chứa khoảng 51.336 tấn ni-tơ và 16.070 tấn photpho không qua xử lý; mỗi năm có khoảng 1.790 tấn hoạt chất thuốc diệt ốc, 210 tấn hoạt chất thuốc diệt cỏ, 1.224 tấn hoạt chất thuốc trừ sâu và 4.245 tấn

hoạt chất thuốc diệt nấm được sử dụng dư thừa trong sản xuất nông nghiệp. Hằng năm, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và các hóa chất độc hại trong khu vực thải ra môi trường khá cao. Điển hình như chất thải rắn công nghiệp phát sinh hàng năm tại một số địa phương như Vĩnh Long, Tiền Giang, Sóc Trăng, An Giang, Hậu Giang,... khá cao, dao động từ 52.998 tấn đến 565.900 tấn mỗi nơi. Tình trạng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp và các hóa chất độc hại thải ra môi trường là khá lớn; nếu không sớm khắc phục sẽ ảnh hưởng đến phát triển nền nông nghiệp và tác động tiêu cực chất lượng cuộc sống của người dân (Trường, 2020). Vì vậy, chỉ có phát triển mô hình KTTH mới có thể giúp ĐBSCL dần khắc phục sự ô nhiễm, hướng đến nền kinh tế xanh.

Thời gian qua, các tỉnh, thành vùng ĐBSCL đã đẩy mạnh phát triển nông nghiệp theo mô hình KTTH, áp dụng sản xuất tiên tiến, thân thiện môi trường. Điển hình như, mô hình vườn – ao – chuồng (VAC), vườn – ao – chuồng – rừng (VACR), hay vườn – ao – chuồng – biogas (VACB) giúp khắc phục việc quản lý phế thải, sử dụng được phụ phẩm nông nghiệp để trả lại độ phì nhiêu cho đất, xử lý an toàn chất thải động vật, tạo nguồn chất đốt phục vụ sinh hoạt, góp phần giảm rác thải. Hiện tại, đã có một số tỉnh, thành phố thuộc vùng ĐBSCL bước đầu thực hiện thành công mô hình KTTH, như: tỉnh Đồng Tháp, thành phố Cần Thơ và tỉnh Bạc Liêu.

Mô hình nuôi cá tra của Công ty Vĩnh Hoàn ở Cao Lãnh – Đồng Tháp:

Vĩnh Hoàn, doanh nghiệp đang có trụ sở tại Cao Lãnh – Đồng Tháp đã gần như thành công thực hiện phương thức sản xuất đang là xu hướng trên thế giới này. Vĩnh Hoàn đã có quy trình nuôi trồng – sản xuất cá tra khép kín, doanh nghiệp có thể kiểm soát từ giống – nuôi trồng – thu hoạch – chế biến – sản xuất – tiếp thị – bán hàng. Nhờ khoa học kỹ thuật, Vĩnh Hoàn không bỏ bất cứ bộ phận nào của con cá tra. Ví dụ như da – mỡ – nội tạng những thứ được xem là phế phẩm như trước đây. Ngoài sản phẩm fillet cá, họ lấy mỡ sản xuất dầu cá, da làm da cá chiên giòn – collagen – gelatin, bong bóng và bao tử cá đông lạnh,... Trong quá trình sản xuất, họ đã biến được chất thải thành tài nguyên: nước thải của vùng nuôi có thể mang tưới tiêu cho các loại cây ăn trái hoặc lúa, cá chết và bùn thải chế biến thành phân hữu cơ, bao bì thải ra được làm nguyên liệu cho nhà máy xử lý chất thải – sản xuất phân bón.

Vĩnh Hoàn có trại ương cá giống cùng các dự án sản xuất giống công nghệ cao, 610 ha nuôi trồng, 5 nhà máy chế biến cá fillet, 1 nhà máy chế biến sản

phẩm giá trị gia tăng, 2 nhà máy sản xuất bột mỡ cá, 1 nhà máy sản xuất collagen và gelatin, ngoài trụ sở ở Cao Lãnh – Đồng Tháp. Hiện tại, các sản phẩm của Vĩnh Hoàn đã xuất khẩu được hơn 140 nước. Vĩnh Hoàn đã hoàn tất được 14/17 mục tiêu phát triển bền vững. Ba chỉ tiêu còn lại Vĩnh Hoàn chưa thể thành công, bởi chúng liên quan đến quy hoạch vùng, chỉ mình doanh nghiệp thì không thể làm được.

Mô hình trồng chuối kết hợp với chăn nuôi bò, nuôi cá của nông dân Võ Quan Huy ở Long An

Ông là nông dân đưa chuối mang thương hiệu Fohla (do chính ông sản xuất) đi Nhật Bản, đồng thời cũng là người nhập hàng trăm ngàn con bò Úc về nuôi vỗ béo tại Việt Nam. Năm bắt nhu cầu chuối của thị trường cao cấp, ông đã bắt tay trồng chuối ở Long An và Tây Ninh với quy mô khoảng 150 ha. Để tiết kiệm tối đa giá thành sản xuất, ông đã đi Philippines, nước xuất khẩu chuối lớn nhất nhì thế giới, nhiều chuyến để học hỏi. Thậm chí, chuyên gia trồng chuối ở nước này được ông mời về trang trại ở Tây Ninh, Long An hướng dẫn nhân công trồng chuối. Ngoài hệ thống tưới tự động, vận chuyển chuối bằng băng chuyền, nhà đóng gói, kho lạnh hiện đại. Ban đầu, chuối của ông xuất đi thị trường Trung Đông, Đài Loan và Singapore. Sau đó, các đơn vị nhập khẩu từ Nhật Bản sau khi thăm trang trại, kiểm tra chất lượng chuối hết sức nghiêm ngặt đã nhập chuối về Nhật và phân phối cho các siêu thị.

Không chỉ trồng trọt, gia đình ông Huy còn nhập bò Úc về nuôi vỗ béo với số lượng lớn. Trong 3 năm, số bò nhập về khoảng 300.000 con, nuôi theo công nghệ cao ở các trại tại Nghệ An, Đồng Nai, Long An và Tây Ninh. Với quy mô chuồng trại có thể nuôi cùng lúc 25.000 con, đàn bò của ông Huy là một trong những đàn bò lớn nhất cả nước. Từ các trại bò, nguồn phân hữu cơ từ phân bò được tận dụng để làm phân vi sinh bón cho cây chuối. Chính từ nguồn phân này, ông Huy đã cải tạo vùng đất phèn ở huyện Đức Huệ, Long An và vùng đất nghèo dinh dưỡng ở Trảng Bàng, Tây Ninh thành những trang trại đất đai màu mỡ, cho ra sản phẩm chuối chất lượng cao, đáp ứng thị trường khó tính. Ngược lại những sản phẩm từ cây chuối như thân, lá cũng được chế biến làm thức ăn cho bò. Những trái chuối không bảo đảm tiêu chuẩn xuất khẩu ông cũng tận dụng nuôi cá dưới ao để có thêm thu nhập. Từ khi nuôi bò vỗ béo đến nay, trang trại của ông đã tiêu thụ khoảng 15.000 tấn rơm, tương đương diện tích thu hoạch từ 10.000 ha lúa. Ngoài ra, ông còn tiêu thụ hơn 100.000 tấn phụ phẩm nông nghiệp từ nhà máy bia, nhà máy tinh bột mì, mật mía,... để làm thức ăn cho đàn bò, góp phần

nâng cao thu nhập cho người nông dân”. Thay vì bán phân tươi chỉ khoảng 1 triệu đồng/tháng, ông muốn cùng họ ủ phân vi sinh rồi trồng rau an toàn. Với lượng phân này, trồng vài trăm mét vuông rau an toàn, ông đã làm bài toán và thấy thu nhập tăng thêm có thể lên đến 10 triệu đồng/ nông hộ (Ánh, 2017).

Mô hình “lúa, tôm”; “lúa, cá”

Mô hình “lúa, tôm” được áp dụng từ đầu những năm 2000 ở các tỉnh ĐBSCL. Có thể xem đây là một hình thức của việc ứng dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL. Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau là những địa phương đi đầu trong việc thực hiện mô hình này. Nông dân khi nuôi tôm hoặc cá trong ruộng lúa, phân của tôm, cá và thức ăn còn dư (của tôm, cá) sẽ làm phân bón bổ sung dinh dưỡng cho cây lúa; ngược lại, khi gặt lúa xong, thả tôm (cá) vào ruộng, gốc rạ, thóc rơi vãi trở thành nguồn thức ăn cho tôm, cá. Với mô hình luân canh trên hầu như cây trồng, vật nuôi không phải dùng thuốc bảo vệ thực vật, thuốc kháng sinh, tạo ra sản phẩm sạch và bảo vệ môi trường. Mô hình “lúa, tôm”, “lúa, cá” được triển khai trong thực tiễn đã giúp giảm dịch bệnh, giảm ô nhiễm môi trường, tạo sản phẩm an toàn, nhất là giúp nông dân nâng cao thu nhập gấp từ 5-10 lần trên cùng một đơn vị diện tích so với chỉ trồng lúa. Đến nay, mô hình này đang được cải biến thành mô hình “lúa thom - tôm sạch” và “lúa thom - cá sạch”. Trong mô hình cải biến này, chất thải sau vụ nuôi tôm, cá là nguồn phân bón để sản xuất lúa thom, đồng thời, kết hợp sử dụng nấm xanh để trừ sâu rầy trong canh tác lúa thom hữu cơ. Khi vùng nuôi tôm liên kết với nhà máy chế biến tôm, vỏ tôm được tận dụng để sản xuất chitin (chất có tác dụng giúp kéo dài thời gian bảo quản rau quả, thịt; phụ gia dùng trong chế biến một số đồ uống), qua đó, tận dụng phụ, phế phẩm trong nuôi trồng thủy sản, nâng cao hiệu quả kinh tế, giảm tối đa tác động xấu lên môi trường, hệ sinh thái, cộng đồng dân cư.

Tuy nhiên phải thừa nhận rằng, các mô hình trên chưa nhiều và chưa phổ biến, phần nào còn mang tính tự phát. Đặc biệt là các mô hình trên chỉ có trong lĩnh vực nông nghiệp, còn công nghiệp và dịch vụ thì gần như không có. Một số nguyên nhân được khái quát sau đây:

Một là, nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và nông dân về nông nghiệp tuần hoàn chưa đầy đủ. Ở nước ta, mầm mống của KTTH trong nông nghiệp đã có từ đầu những năm 80 của thế kỷ XX, song thuật ngữ “nông nghiệp tuần hoàn” mới được đề cập. Vì vậy, vai trò, lợi ích, bản chất, nội dung, tiêu chí của nông nghiệp tuần hoàn

chưa rõ, thậm chí chưa có, dẫn đến nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và nhất là nông dân về kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp còn mơ hồ, chưa đầy đủ. Đây là một trong những rào cản cho phát triển nông nghiệp tuần hoàn ở ĐBSCL.

Hai là, Nhà nước chưa tạo ra được động lực để phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp phát triển. Mặc dù gần đây, sản xuất nông nghiệp nước ta đã và đang từng bước quan tâm đến sản xuất nông nghiệp bền vững, nông nghiệp hữu cơ, song về cơ bản vẫn chủ yếu chú trọng đến gia tăng sản lượng thông qua gia tăng đầu vào. Vì vậy, trong sản xuất nông nghiệp vẫn chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên, sử dụng chất kích thích tăng trưởng, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón vô cơ, nên chưa tạo ra động lực áp dụng kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp.

Ba là, năng lực tái chế, tái sử dụng phụ, phế phẩm nông nghiệp của người dân và doanh nghiệp còn hạn chế. Hiện nay, nước ta thiếu đội ngũ cán bộ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ xử lý chất thải, phế, phụ phẩm trong nông nghiệp. Bên cạnh đó, quy mô sản xuất nông nghiệp nhỏ, lẻ nên việc thu gom, phân loại phụ, phế phẩm nông nghiệp cũng như đầu tư cho công nghệ tái chế chưa được quan tâm. Các doanh nghiệp nông nghiệp phần lớn hạn chế về công nghệ tái chế, tái sử dụng cũng như vốn và nhân lực nên chủ yếu mới quan tâm tới tận thu, tái sử dụng lại phụ phẩm chính trong quá trình sản xuất. Một số địa phương chưa quan tâm đến quản lý chất thải hay đào tạo, hướng dẫn kỹ thuật đối với các cơ sở sản xuất. Vì vậy, hiện nay mới có khoảng hơn 10% phụ phẩm trồng trọt được sử dụng làm chất đốt tại chỗ, 5% là nhiên liệu công nghiệp, 3% làm thức ăn gia súc; còn hơn 80% chưa được sử dụng và thải trực tiếp ra môi trường hoặc đốt bỏ gây ô nhiễm môi trường.

Bốn là, kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp bước đầu được ứng dụng mặc dù còn mang tính tự phát, chưa thường xuyên và chưa phổ biến, nhưng kinh tế tuần hoàn trong công nghiệp hiện nay ở khu vực còn chưa định hình. Rác thải, phụ phẩm trong công nghiệp, trong các khu dân cư còn chưa được xử lý hoặc xử lý một phần rất nhỏ, luôn tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sự tăng trưởng xanh và phát triển bền vững là vấn đề đáng lo ngại.

Năm là, Nhà nước chưa có hành lang pháp lý, thiếu hướng dẫn và tiêu chuẩn hóa cho triển khai kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Đến nay, KTTH trên thế giới đã được nhiều nước áp dụng,

song ở Việt Nam còn khá mới mẻ, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp. Vì vậy, các mô hình kinh tế tuần hoàn được áp dụng trong nông nghiệp chưa đầy đủ, đúng nghĩa, hầu như chỉ là tự phát. Bên cạnh đó, thiếu hướng dẫn và chưa có tiêu chuẩn hóa về KTTH, chưa đưa ra được các quy định, các tiêu chí để nhận diện, đánh giá, cũng như chưa có cơ quan đầu mối về vấn đề này, trong khi KTTH trong nông nghiệp liên quan đến nhiều lĩnh vực nên khó thực hiện trong thực tế. Hiện nay, các quy định liên quan đến KTTH nói chung, nông nghiệp tuần hoàn nói riêng nằm rải rác ở các luật, nghị định khác nhau, một số vấn đề về tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn liên quan đến thu gom, vận chuyển và tái sử dụng, điều kiện cấp vốn còn bỏ ngõ nên rất khó khăn trong triển khai, ảnh hưởng đến phát triển KTTH trong nền kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng (Miền, 2021).

3.3. Một số giải pháp khuyến nghị thúc đẩy phát triển kinh tế tuần hoàn ở ĐBSCL thời gian tới

Từ kinh nghiệm thực tiễn của một số quốc gia trên thế giới cùng các quan điểm về kinh tế tuần hoàn, để thúc đẩy mô hình kinh tế này ở Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng, một số giải pháp cần được thực hiện đồng bộ như:

Một là, cần nâng cao hơn nữa nhận thức của các nhà sản xuất và công chúng về trách nhiệm của họ đối với các sản phẩm trong suốt vòng đời của chúng. Về phía cộng đồng doanh nghiệp: cần nâng cao nhận thức của các nhà sản xuất và công chúng về trách nhiệm của họ đối với các sản phẩm trong suốt vòng đời của chúng. Doanh nghiệp cần chú trọng đầu tư công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường trong hoạt động sản xuất. Doanh nghiệp phải cân nhắc giải bài toán vì lợi ích ngắn hạn trước mắt hay chấp nhận đi chậm hơn để tăng tốc trong tương lai. Vì đầu tư cho công nghệ mới sẽ đẩy giá thành sản phẩm lên cao, có thể ảnh hưởng đến sức tiêu thụ và khả năng cạnh tranh của sản phẩm, dịch vụ trong ngắn hạn. Tuy nhiên, nếu tiếp tục đi theo lối mòn của mô hình sản xuất hiện tại thì sẽ phải đối mặt với rủi ro trong tương lai, khi nguồn nguyên liệu thô, nguyên liệu hóa thạch ngày càng cạn kiệt. Về phía người dân, cần nâng cao nhận thức trong việc sử dụng, khai thác nguồn tài nguyên; thay đổi phương thức canh tác, sản xuất trong nông nghiệp; thay đổi ý thức trong tiêu dùng các sản phẩm. Bên cạnh đó, cần nâng cao năng lực của cộng đồng trong việc tuyên truyền người dân thực hiện bảo vệ môi trường, đưa nhiều mô hình sản xuất và tiêu dùng xanh “không ảnh hưởng đến thế hệ tương lai”.

Hai là, nên có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển công nghiệp tái chế, thúc đẩy sử dụng các sản phẩm thân thiện môi trường. Nâng cao năng lực tái chế, tái sử dụng phụ, phế phẩm nông nghiệp. Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lao động nghiên cứu, triển khai công nghệ xử lý phụ, phế phẩm trong nông nghiệp. Đầu tư nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật trong xử lý phế phẩm nông nghiệp, nhất là ở các địa phương có diện tích trồng trọt và chăn nuôi quy mô lớn. Khuyến cáo và hỗ trợ (mặt bằng, vốn, công nghệ) các chủ thể sản xuất nông nghiệp để họ chú trọng thu gom, phân loại phụ, phế phẩm nông nghiệp cũng như đầu tư cho công nghệ tái chế. Khuyến khích các địa phương trên cả nước, dựa vào các mô hình đã có và điều kiện cụ thể của mình phát triển các mô hình KTTH trong nông nghiệp cho phù hợp. Đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp với nông dân. Khuyến khích các doanh nghiệp, tập đoàn có tiềm lực lớn đầu tư khai thác, chế biến phụ phế phẩm nông nghiệp để tạo phân bón và giá thể hữu cơ; đẩy mạnh quy trình sản xuất tiên tiến, thân thiện môi trường; xây dựng và nhân rộng các mô hình sử dụng thức ăn chăn nuôi phối trộn, sử dụng chế phẩm sinh học thay thế kháng sinh trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản.

Ba là, cần có cơ chế chính sách về tín dụng, về thuế, hoặc đất đai, như là đòn bẩy tài chính để doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tham gia vào kinh tế tuần hoàn hướng tới phát triển xanh, bền vững. Tập trung ưu tiên nguồn lực tài chính để chuyển đổi phương thức sản xuất; đồng thời, phát triển kinh tế tuần hoàn phải gắn với đổi mới khoa học, tiếp cận công nghệ tiên tiến. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, tác động đến mọi lĩnh vực đời sống xã hội, việc nghiên cứu đẩy mạnh đổi mới công nghệ, chuyển từ thế giới thực sang thế giới số sẽ là cơ hội lớn để thực hiện phát triển KTTH, mang lại hiệu quả tăng trưởng cao hơn. Để phát triển KTTH đòi hỏi cần sớm xây dựng đội ngũ chuyên gia giỏi, để giải quyết tốt các vấn đề, từ khâu đầu đến khâu cuối của cả quá trình...

Bốn là, hoàn thiện hành lang pháp lý phục vụ cho phát triển nền KTTH. Trong đó, cần quy định cụ thể trách nhiệm của nhà sản xuất, nhà phân phối trong việc thu hồi, phân loại, tái chế hoặc chi trả chi phí xử lý các sản phẩm thải bỏ dựa trên số lượng sản phẩm bán ra trên thị trường; quản lý dự án theo vòng đời, thiết lập lộ trình xây dựng và áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn về môi trường,... Quy định lộ trình thay thế các nhiên liệu, sản phẩm sử dụng nguyên liệu nguy hại, sản phẩm sử dụng một lần bằng các nhiên liệu, nguyên liệu thân thiện với môi trường, sản phẩm sử dụng nhiều lần. Tập trung các nguồn

lực (tài chính, công nghệ và nhân lực) cho việc thực hiện chuyển đổi sang phát triển KTTH. Trong đó, doanh nghiệp là động lực trung tâm, nhà nước đóng vai trò kiến tạo, các tổ chức và từng người dân tham gia thực hiện. Vai trò kiến tạo của nhà nước thể hiện trong việc tạo ra một môi trường để KTTH phát triển.

Năm là, tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm quốc tế, nhất là các quốc gia đã và đang thực hiện thành công KTTH, từ đó chuyển giao và áp dụng vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, của ĐBSCL. Triển khai nghiên cứu sâu rộng về phát triển KTTH từ cách tiếp cận chung toàn cầu, nguyên tắc xác lập theo ngành, lĩnh vực, triển khai mô hình, tiêu chí của mô hình KTTH, từ đó lựa chọn vận dụng cụ thể vào hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam và phổ biến rộng rãi đến doanh nghiệp, người dân, các nhà quản lý để có sự nhìn nhận đúng.

4. KẾT LUẬN

Chuyển dịch từ kinh tế tuyến tính sang KTTH đang là xu thế chung của cộng đồng thế giới và Việt Nam cũng không nằm ngoài xu thế đó. Đảng và nhà nước ta trong những năm qua đã ban hành nhiều chính sách để chuyển đổi nền kinh tế nước ta sang hướng phát triển xanh, bền vững, thân thiện môi trường, trong đó có ngành nông nghiệp. ĐBSCL là vùng kinh tế nông nghiệp trọng điểm của cả nước, nhưng đồng thời cũng là nơi gây ra vấn nạn môi trường bị ô nhiễm nghiêm trọng. Vì vậy việc chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp tuyến tính sang kinh tế tuần hoàn ở ĐBSCL là xu thế tất yếu. Thực tế trong những năm qua, ĐBSCL cũng đã xuất hiện những mô hình kinh tế tuần hoàn có hiệu quả, song các mô hình trên chưa nhiều và chưa phổ biến. Bài viết của tác giả đã phân tích được năm thực trạng của KTTH ở ĐBSCL là: Nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và nông dân về nông nghiệp tuần hoàn chưa đầy đủ; Nhà nước chưa tạo ra được động lực để phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp phát triển; năng lực tái chế, tái sử dụng phụ, phế phẩm nông nghiệp của người dân và doanh nghiệp còn hạn chế; KTTH trong nông nghiệp bước đầu được ứng dụng mặc dù còn mang tính tự phát, nhưng kinh tế tuần hoàn trong công nghiệp hiện nay ở khu vực còn chưa định hình; Nhà nước chưa có hành lang pháp lý, thiếu hướng dẫn và tiêu chuẩn hóa cho triển khai kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp. Từ đó, tác giả đã nêu lên 5 giải pháp để phát triển KTTH để phát triển bền vững nông nghiệp ĐBSCL thời gian tới. Tuy nhiên, để thực hiện được định hướng này, tác giả cho rằng phải có sự nỗ lực của mọi thành phần trong xã hội, đặc biệt

doanh nghiệp là động lực trung tâm, nhà nước đóng vai trò kiến tạo, dẫn dắt và cộng đồng tham gia thực hiện để thay đổi cả về nhận thức và hành vi của toàn xã hội. Song song đó, Việt Nam cần hoàn thiện thể chế gắn với việc ban hành Luật Bảo vệ môi trường

và các văn bản hướng dẫn thi hành quy định trách nhiệm cụ thể của nhà sản xuất trong thu hồi, tái chế sản phẩm thải bỏ, phát triển sản phẩm thân thiện môi trường... thì việc phát triển kinh tế tuần hoàn ở ĐBSCL mới có hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ánh, N. (2017). Vua chuối Võ Quan Huy coi Trung Quốc là thị trường béo bở. Báo Người lao động, ngày 29/12/2017. 3- 4.
- Chinh, N. T. (2020). Cơ hội và thách thức cho phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam. Tạp chí công sản, 259, 45-56.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. (2022). Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 02/4/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hà Nội ngày 22/4/2022. 15-16.
- Đáp, N. Đ. (2021). Kinh tế tuần hoàn: Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Tạp chí Ngân hàng, 173, 32 -41.
- Hải, L. T. (2021). Định hướng phát triển kinh tế tuần hoàn cho ngành nông nghiệp ĐBSCL. Tạp chí Môi trường, 231, 34-45.
- Manh, P. T. (2021). Kinh nghiệm quốc tế về phát triển kinh tế tuần hoàn và bài học cho Việt Nam. *Tạp chí Tài chính*, số kỳ 1 tháng 8/2021, 24-33.
- Miền, N. T. (2021). Phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp ở Việt Nam: Một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị. Tạp chí Lý luận Chính trị, 10, 65-70.
- Như, Q. (2021). “Nữ hoàng cá tra” và công cuộc xây dựng mô hình "kinh tế tuần hoàn" ở vùng Cao Lãnh – Đồng Tháp. Tạp chí Doanh nghiệp và Tiếp thị, số tháng 5/2021, 53-61.
- Sĩ, P. C. (2021). Bàn luận về quy định trách nhiệm mở rộng của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu trong Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường., Tạp chí Môi trường, số 7 tháng 10/2021, 11.
- Triết, T. T. (2021). Chính sách thúc đẩy kinh tế tuần hoàn ở một số nước và bài học cho Việt Nam. Tạp chí Hòa nhập, tháng 11, 45.
- Trung, B. Q., & Năm, P. H. (2020). Một số giải pháp thúc đẩy phát triển nền kinh tế tuần hoàn tại Việt Nam. *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2 tháng 6/2020, 23-31.
- Trường, T. V. (2020). Báo cáo đề dẫn hội thảo khoa học “Phát triển kinh tế tuần hoàn ở các tỉnh, thành phía Nam – Vấn đề và giải pháp”. Kỳ yếu Hội thảo khoa học do Tạp chí Công sản và Thành ủy Cần Thơ đồng tổ chức (trang 11).